

PHU LUC 05

BẢNG TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ XỬ LÝ

(Kèm theo Kết luận số 36/KL-TTr ngày 23/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính)

| Nội dung                                                                                                                                                                | Tổng số              | Kiến nghị xử lý    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                         |                      | Rút kinh nghiệm    | Thực hiện theo Kết luận của Kiểm toán tại Thông báo số 246/TB-KV III ngày 16/7/2024 | Thu hồi nộp vào tài khoản tạm giữ ngân sách tỉnh | Thu hồi hoàn trả lại cho Quỹ phúc lợi | Điều chỉnh giảm Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | Hạch toán tăng nguồn thu khác | Điều chỉnh tăng nguồn cải cách tiền lương | Bệnh viện quản lý, sử dụng theo cơ chế tự chủ tài chính hiện hành | Truy thu và để lại cho Bệnh viện quản lý, sử dụng theo đúng quy định hiện hành | Hạch toán thu giảm chi niên độ ngân sách năm 2024  |
| A                                                                                                                                                                       | 1=2+3+4+5+6+7+8+9+10 | 2                  | 3                                                                                   | 4                                                | 5                                     | 6                                                  | 7                             | 8                                         | 9                                                                 | 10                                                                             |                                                    |
| <b>I. NGUỒN THU DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH</b>                                                                                                                              | <b>1.540.437.691</b> | <b>516.982.500</b> |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           | <b>1.023.455.191</b>                                              |                                                                                |                                                    |
| 1. Chi tiếp khách                                                                                                                                                       | 46.725.000           | 46.725.000         |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 2. Chi phụ cấp thù thuật                                                                                                                                                | 470.257.500          | 470.257.500        |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 3. Chênh lệch thu, chi dịch vụ KCB năm 2023                                                                                                                             | 1.023.455.191        |                    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           | 1.023.455.191                                                     |                                                                                |                                                    |
| <b>II. NGUỒN THU KHÁC</b>                                                                                                                                               | <b>219.020.000</b>   |                    |                                                                                     | <b>810.000</b>                                   |                                       |                                                    | <b>10.210.000</b>             |                                           |                                                                   | <b>208.000.000</b>                                                             |                                                    |
| 1. Không thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định                                                                                                                          | 810.000              |                    |                                                                                     | 810.000                                          |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 2. Truy thu khoản tiền do cho tư nhân sử dụng mặt bằng Căn tin 100m2 để nấu ăn và cho Tổ Bảo vệ sử dụng Nhà để xe 50m2 để làm dịch vụ trông giữ xe không đúng quy định. | 208.000.000          |                    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   | 208.000.000                                                                    |                                                    |
| 3. Hạch toán tăng nguồn thu khác (bao gồm thu từ thanh lý tài sản 4.050.000 đồng và thu từ Hợp đồng tuyên truyền phòng chống tác hại thuốc lá 6.160.000 đồng).          | 10.210.000           |                    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    | 10.210.000                    |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| <b>III. NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG</b>                                                                                                                                   | <b>1.269.203.658</b> |                    | <b>480.000.000</b>                                                                  |                                                  |                                       |                                                    |                               | <b>789.203.658</b>                        |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 1. Nguồn CCTL từ ngân sách nhà nước bổ sung.                                                                                                                            | 480.000.000          |                    | 480.000.000                                                                         |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 2. Tăng nguồn trích lập thực hiện cải cách tiền lương                                                                                                                   | 789.203.658          |                    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               | 789.203.658                               |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| <b>IV. VIỆC SỬ DỤNG CÁC QUỸ</b>                                                                                                                                         | <b>2.906.000</b>     |                    |                                                                                     |                                                  | <b>800.000</b>                        | <b>2.106.000</b>                                   |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 1. Thu hồi khoản tiền chi thanh toán bồi dưỡng theo dõi làm thêm giờ nhưng không có chế độ quy định để hoàn trả lại cho Quỹ phúc lợi                                    | 800.000              |                    |                                                                                     |                                                  | 800.000                               |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| 2. Điều chỉnh giảm Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp do trích lập chưa đúng quy định                                                                                   | 2.106.000            |                    |                                                                                     |                                                  |                                       | 2.106.000                                          |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| <b>V. TRUY THU TIỀN ĐIỆN, NƯỚC</b>                                                                                                                                      |                      |                    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                | Số tiền cụ thể theo số tiền của Bệnh viện truy thu |
| Truy thu tiền điện, tiền nước thực tế sử dụng tại Nhà Căn tin trong 29 tháng và truy thu tiền điện phục vụ Nhà giữ xe 31 tháng.                                         |                      |                    |                                                                                     |                                                  |                                       |                                                    |                               |                                           |                                                                   |                                                                                |                                                    |
| <b>TỔNG CỘNG (I)+(II)+(III)+(IV)</b>                                                                                                                                    | <b>3.031.567.349</b> | <b>516.982.500</b> | <b>480.000.000</b>                                                                  | <b>810.000</b>                                   | <b>800.000</b>                        | <b>2.106.000</b>                                   | <b>10.210.000</b>             | <b>789.203.658</b>                        | <b>1.023.455.191</b>                                              | <b>208.000.000</b>                                                             |                                                    |